TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 25/7/2018.
V/v: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Lê Văn An**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Võ Thanh Bình.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 216/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc: *"Xin ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 26/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Chung T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp PH, xã MP, huyện HĐ, tỉnh KG.

Bị đơn: Anh **Trần Quang T1**, năm 1981.

Địa chỉ: ấp MB, xã ML, huyện HĐ, tỉnh KG.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp MB, xã ML, huyện HĐ, tỉnh KG.

(Tất cả các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đặng Thị Chung T trình bày như sau:***

- Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Chung T và anh Trần Quang T1 được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Lâm,

huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang ngày 07/11/2007. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, lý do phát sinh mâu thuẫn là do mẹ chồng (bà N) quá khắc khe, thu nhập của vợ chồng bao nhiêu thì mẹ chồng đều giữ, từ đó vợ chồng hay cải vả nhau nên đã sống ly thân hơn 3 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt mục đích, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Trần Bảo Thi, sinh ngày 30/9/2008 và Trần Quang Thịnh, sinh ngày 11/01/2013. Hiện cháu Thi đang sống cùng anh T1, cháu Thịnh đang sống cùng chị T. Ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai người con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chung sống với nhau có tạo lập được một số tài sản chung nhưng đã tự nguyện thỏa T1 với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Theo bản khai và tại phiên tòa hôm nay anh Trần Quang T1 trình bày như sau*:**

- Về hôn nhân: Anh T1 đồng ý với lời trình bày của chị T. Anh và chị T kết hôn với nhau vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống vợ chồng cũng không có mâu thuẫn lớn cả. Tuy nhiên cách đây hơn 3 năm chị T xin về nhà mẹ ruột chơi nhưng sau đó chị T không về nhà cho đến nay, từ đó vợ chồng sống cũng ly thân cho đến nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1 thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 2 người con chung như chị T trình bày. Hiện cháu Thi đang sống cùng anh T1 và đã đi học lớp 5, còn cháu Thịnh thì sống cùng chị T. Ly hôn anh T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thi và đồng ý giao cháu Thịnh cho chị T nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T1 và chị T đã tự nguyện thỏa T1 với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Theo bản khai và tại phiên tòa hôm nay bà Phạm Thị N trình bày như sau*:**

Bà Phạm Thị N không có ý kiến gì đối với việc ly hôn giữa anh T1 và chị T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với cháu Trần Bảo Thi, sinh ngày 30/9/2008 hiện bà là người chăm sóc và nuôi dưỡng tiếp anh T1. Nay chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thi thì bà không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa chị Đặng Thị Chung T và Trần Quang T1. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Chung T và Trần Quang T1 là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 187, cấp ngày 07/11/2007. Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp với nhau nên thường xuyên cải vã, bất hòa. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên yêu cầu được ly hôn với anh T1. Tại phiên tòa hôm nay anh T1 cũng đồng ý T1 tình ly hôn, nên HĐXX ghi nhận sự T1 tình ly hôn giữa các đương sự.

Về con chung: Giữa chị T và anh T1 có với nhau 02 người con chung Trần Bảo Thi, sinh ngày 30/9/2008 và Trần Quang Thịnh, sinh ngày 11/01/2013. Hiện tại cháu Thi đang sống cùng anh T1, cháu Thịnh đang sống cùng chị T. Ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng. Trong khi đó anh T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thi và giao cháu Thịnh cho chị T nuôi dưỡng. Sau quá trình động viên, giải thích tại phiên tòa hôm nay anh T1 và chị T tự nguyện thỏa T1 phần con chung cụ thể chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thịnh và đồng ý giao cháu Thi cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng cho ai. Việc các bên thỏa T1 là tự nguyện nên HĐXX ghi nhận sự thỏa T1 giữa các đương sự. Mặt khác việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thi.

Về tài sản chung: Các đương sự đã tự nguyện thỏa T1 với nhau nên HĐXX miễn xét.

Về nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu HĐXX miễn xét.

Về án phí: Chị Đặng Thị Chung T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 55; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** <u>Tuyên Xử</u>:**

1/. Về hôn nhân: Ghi nhận sự T1 tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Chung T và anh Trần Quang T1.

2/. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa T1 của các đương sự. Giao cháu Trần Bảo Thi, sinh ngày 30/9/2008 cho anh Trần Quang T1 tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và giao cháu Trần Quang Thịnh, sinh ngày 11/01/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh T1 và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Quang T1 và chị Đặng Thị Chung T có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng việc nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

4/. Về nợ chung: Không có nên HĐXX miễn xét.

5/. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đặng Thị Chung T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số 0009098 ngày 07/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị T còn được nhận lại số tiền là 1.150.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T1 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn An